| **TT** | **Tên TTHC** | **QĐ công bố của UBND tỉnh** | **Dịch vụ công trực tuyến** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP** | |  |  |
| **Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp** | |  |  |
| 1. 1 | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
| 1. 2 | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty hợp danh | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thanh đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH, công ty cổ phần | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung ĐKKD trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc chia doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc tách doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo tạm ngừng kinh doanh | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Giải thể doanh nghiệp | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Cấp đổi Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung ĐKKD và đăng ký thuế | QĐ 2548 | **Mức độ 4** |
|  | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
|  | Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| **Mục 2. Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu** | |  |  |
| 1 | Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| 2 | Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| 3 | Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| 4 | Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| 5 | Giải thể công ty TNHH một thành viên | *QĐ 831* | **Mức độ 4** |
| **Mục 3. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội** | |  |  |
| 1 | Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 2 | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 3 | Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 4 | Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 5 | Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 6 | Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 7 | Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 8 | Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| **Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa** | |  |  |
| 1 | Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 2 | Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 3 | Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 4 | Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 5 | Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| **II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ** | |  |  |
| 1 | Đăng ký liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 2 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 3 | Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 4 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 5 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 6 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 7 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 8 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 10 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 11 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 12 | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 13 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 14 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 15 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 16 | Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 17 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 18 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận ĐKKD sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 19 | Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| **III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM** | |  |  |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | *QĐ 831* | **Mức độ 3** |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | *QĐ 831* | **Mức độ 3** |
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tưtrong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diệnđiều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 14 | Cấp lạiGiấy chứng nhận đăng ký đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 16 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 17 | Giãn tiến độ đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 18 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 19 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 20 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 21 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 22 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 23 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 24 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 25 | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| **IV. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU** | |  |  |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 2 | Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| **V. VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI** | |  |  |
| **Mục 1. Nguồn viện trợ Phi Chính phủ nước ngoài** | |  |  |
| 1 | Tiếp nhận dự án Hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 2 | Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 3 | Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 4 | Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| **Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài** | |  |  |
| 1 | Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 4 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 5 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 6 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 7 | Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 8 | Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| 9 | Xác nhận chuyên gia | *QĐ 831* | Mức độ 2 |
| **VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN** | |  |  |
| 1 | Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 2 | Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. | QĐ 2548 | Mức độ 2 |
| 3 | Giải ngân khoản vốn hỗ trợ cho doanh nghiệp | QĐ 2548 | Mức độ 2 |

**Tổng số: 141 TTHC**